TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁPĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 417/2023/DS-PT

Ngày 31/8/2023

V/v Tranh chấp Đòi lại tài sản,
Bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 381/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 470/QĐ-PT ngày 21/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Phan Văn D, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*:

2.1. Đào Văn M, sinh năm 1945

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M: Đào Ngọc C, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2023).

2.2. Đào Ngọc Huỳnh H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến D1

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Phan Văn D.

(Ông D, chị C, anh H, ông D1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày*:**

Vào năm 1994 tôi có sang nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bửu N, từ bờ xáng bỏ vô là 70m là đất không được cấp giấy. Năm 1994 tôi về và có thuê máy trang sửa để cất nhà ở trên bờ xáng. Năm 1996 Trưởng Ban nhân dân ấp là ông Nguyễn Tiến D1 có hỏi tôi cho ông Mai Văn L cất nhà ở gần nhà tôi. Đến năm 2003 tôi không sử dụng nữa, ông Đào Văn M tự ý múc ngang đường cộ của tôi, lúc này tôi không hay, đến khi hay được thì kobe đã múc xong, tôi có báo với ông D1 là trưởng ấp vụ việc trên. Năm 2014 đoàn đo đạc vô đo đất để làm lộ A - Hòa Bình, ông M tự ý kê khai phần đất công của Nhà nước để làm lộ có bồi thường cho việc san lắp là của ông để ông được Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T bồi thường số tiền 19.500.000đ. Phần đất được bồi thường là do tôi san lắp trang sửa, cải tạo mà tôi không được bồi thường mà ông M được nhận bồi thường. Hôm nay tôi yêu cầu ông Đào Văn M trả lại tôi số tiền được Nhà nước bồi thường là 19.500.000đ. Ông D rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu anh H bồi thường 20.000.000đ về bồi thường thiệt hại tài sản và di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất.

***- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Văn M là chị Đào Ngọc C trình bày*:**

Việc ông M được Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T bồi thường, hỗ trợ tiền san lắp đất làm lộ A - Hòa Bình và tái định cư với số tiền 19.500.000đ mà trước đây ông M san lắp. Năm 2019 Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T đã bồi thường cho ông M. Hôm nay ông D yêu cầu ông M có trách nhiệm trả lại số tiền trên, ông M không đồng ý theo yêu cầu của ông D. Tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì.

***- Bị đơn anh Đào Ngọc Huỳnh Hậu trình bày*:**

Đối với diện tích đất ông D cho là của ông D đã san lắp, trang sửa, cải tạo vào năm 1994 là không đúng. Khi Nhà nước làm lộ A - Hòa Bình và Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T bồi thường số tiền là 19.500.000đ cho ông M (là cha anh H). Đất này có nguồn gốc, vào năm 1998 Công ty C1 có múc phần đất từ mé đường nước xã phèn của gia đình anh lên làm lò sấy lúa, phần hầm sau khi Công ty M1 thì gia đình anh lấy làm đường nước tưới, xả phèn, đồng thời gia đình anh trồng cây và bắt cá thiên nhiên hàng năm cho đến khi Công ty giải thể. Đến năm 2005 công trình làm lộ tiến hành lấy phần đất trước kia làm lò sấy lúa múc đi còn lại là cái hầm. Sau đó ông M kêu kobe múc bờ đê của cái hầm để gia đình sử dụng, diện tích đất khoảng 1.000m^2, ông

M trồng bạch đàn và tràm. Đến khi Nhà nước làm lộ A - Hòa Bình thì ông M kê khai và được Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T bồi thường chi phí đất san lắp với số tiền là 19.500.000đ. Sau đó ông D nhiều lần tranh chấp ông D cho rằng diện tích đất này do ông D đã san lắp nên yêu cầu ông M phải trả lại số tiền trên. Anh H yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về yêu cầu ông Đào Văn M trả lại số tiền bồi thường chi phí san lắp 195m^3 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 2, đất chưa được cấp quyền sử dụng đất số tiền 19.500.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phan Văn D đối với anh Đào Ngọc Huỳnh Hậu về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản tổng số tiền 20.000.000đ và yêu cầu di dời toàn bộ cây trồng trên đất trả đất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn D phải nộp số tiền 975.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông D là người cao tuổi nên ông được xét miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ngày 31/5/2023 ông Phan Văn D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông D phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị C, anh H phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, ông D yêu cầu ông M trả lại cho ông số tiền 19.500.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông D yêu cầu ông M trả lại số tiền do Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T bồi thường tiền san lắp đất làm lộ A - Hòa Bình đi ngang qua đất của ông D với số tiền 19.500.000đ.

Việc ông D cho rằng ông là người đã san lắp đất để sử dụng làm sân phơi lúa từ năm 1994, ông D đã sử dụng từ năm 1994 cho đến năm 2003, do từ năm 2003 thì gia đình ông M vào bao chiếm, quản lý, sử dụng, trồng cây trên phân đất thuộc thửa 21 cho đến khi Nhà nước có chủ trương làm lộ, tiến hành vào đo đạc, kiểm đếm lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc này ông D thừa nhận có biết nhưng không có ý kiến, ngăn cản hay tranh chấp gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là ông D có công san lắp ngay tại vị trí thửa đất số 21, tờ bản đồ số 2.

Đối với người làm chứng là anh Nguyễn Văn N1 trình bày là vào năm 1994 anh có lái máy cày thuê cho ông N và có tiến hành san lắp đất cho ông D. Tuy nhiên, anh N1 không trình bày được anh N1 đã san lắp diện tích bao nhiêu, vị trí tại đâu, khối lượng bao nhiêu. Do đó lời khai của anh N1 là không đủ có cơ sở xem xét.

Đối với những người làm chứng như ông Nguyễn Tiến D1, ông Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn H1 đều xác nhận chỉ nghe nói lại chứ không chứng kiến việc ông Dương san l, không xác định được chính xác vị trí ông D san lắp ở đâu, khối lượng bao nhiêu, nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Theo Quyết định số: 845/QĐ-UBND-HC ngày 01/7/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với từng hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đường A - Hòa Bình (Đoạn từ cầu K đến cầu K). Hạng mục: đoạn đường chính, lý trình từ Km20 + 344,6 đến Km 23 + 534,5 (Đoạn từ cầu K đến Cầu K), thuộc xã P do UBND xã P quản lý. Trong đó xác định hộ ông M được bồi thường tiền công san lấp đất, cát 195m^3, phần ông D đang có tranh chấp.

Theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiền công san lắp cho ông D nhưng ông để cho con là Phan Văn Hà Đ nhận thay ông D thì không có phần bồi thường tiền công san lấp đất, cát 195m^3.

Đối với Ủy ban nhân dân xã P xác định việc tranh chấp tiền bồi thường công san lấp đất giữa ông D và ông M là thuộc diện tích đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Từ những căn cứ trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu ông M trả 19.500.000đ là phù hợp.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 217, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về yêu cầu ông Đào Văn M trả lại số tiền bồi thường chi phí san lắp 195m^3 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 2, đất chưa được cấp quyền sử dụng đất, số tiền 19.500.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phan Văn D đối với anh Đào Ngọc Huỳnh Hậu về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản tổng số tiền 20.000.000đ và yêu cầu di dời toàn bộ cây trồng trên đất trả đất.

3. Về án phí:

Ông Phan Văn D phải nộp số tiền 975.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Thông